

Cảm Ứng Thiên Vực Biên

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(Bài 37)

(Chánh văn 42): Cuống chư vô thức, báng chư đồng học.

(正文)誑諸無識，謗諸同學。

(Tạm dịch: Lừa dối kẻ chẳng hiểu biết, gièm báng bạn học).

(Nhạc)

(Câu thứ nhất: “Cuống chư vô thức” là lừa dối kẻ chẳng hiểu biết)

Đối với kẻ chẳng hiểu biết, đúng là phải nên thuận theo từng sự mà chỉ bảo cho họ, dùng nghĩa lý nhắc nhở, dùng điều thiện lẽ ác khiến cho họ động tâm, khiến cho họ giác ngộ, chẳng đọa trong mê hoặc. Há có nên vì họ dễ bị khinh rẻ mà dối gạt họ ư?

Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Huyễn hoặc vô thức, nghi ngờ chúng sanh, tử hậu đương đọa nhập Vô Gián địa ngục*” (Kẻ lừa bịp người không hiểu biết, khiến cho chúng sanh nghi ngờ, lầm lạc, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián).

Ôi! Sao người ta lại khỗ sở làm chuyện như thế?

Ông Lưu Hợp Phong nói :

- Có ba người cùng đi, tới một khe suối. Nhắm đúng lúc nước suối dâng cao, mà thuyền ở bờ đối diện. Trong đó, có một người rất ngu, [hai người kia] bèn dụ người ấy cởi quần áo bơi qua lấy thuyền. Người ấy ngụp lặn trong nước xiết, vượt qua được bờ kia. Lại chống thuyền quay về chở hai người kia. Hai người kia lên thuyền; kẻ ngu bỗng đau bụng muốn đi tiêu, vội lên bờ. Hai người kia vẫy tay bảo:

- Mặt trời đã lặn rồi, không thể chờ người được.

Bèn chống thuyền đi. Chốc lát, do nước chảy xiết, thuyền xoay ngang, họ đều bị lật thuyền, chết chìm. Người ngu ở trên bờ thì yên ổn.

Đời Đường, Khương Phủ mặc áo, đội mũ đạo sĩ lên kinh đô. Do không có ai biết, bèn dối gạt nói mình đã mấy trăm tuổi, có thuật trường sinh độ đời. Hấn phụng sự Đường Huyền Tông, được vua ân sủng, nổi tiếng một thời. Về sau, có một sinh viên trường Thái Học là Kinh Nham đến gặp, hỏi:

- Tiên sinh rốt cuộc là người thuộc triều đại nào?

Đáp:

- Người đời Lương.

Hỏi:

- Có làm quan hay không?

Đáp:

- Từng làm Tiết Độ Sứ của Tây Lương Châu.

Kinh Nham quát mắng:

- Sao mà dối trá đến thế? Trên lừa dối thiên tử, dưới bịp bợm người đòi! Nhà Lương ở Giang Nam, lấy đâu ra Tây Lương Châu? [Nhà Lương] chỉ có Tứ bình, Tứ an, Tứ chinh, Tứ trấn tướng quân, lấy đâu ra Tiết Độ Sứ?

Khuong Phủ cứng họng, hết sức hồ thẹn. Vài ngày sau [Khuong Phủ] chết ngắc!

(nhạc)

Bạch Sầm gặp dị nhân, được truyền toa thuốc chữa bệnh lên nhọt ở lưng rất hiệu nghiệm. Có viên dịch lại¹ muốn truyền toa thuốc ấy để cứu tế rộng khắp, đưa cho Bạch Sầm mấy chục lạng vàng. Bạch Sầm đưa toa thuốc giả cho ông ta, trị bệnh không công hiệu. Về sau, Bạch Sầm bị cộp ăn thịt, bỏ lại toa thuốc thật sự trên đường, viên dịch lại đi qua nhặt được.

(nhạc)

Gã thầy bói họ Trương giỏi chiêm tinh, nhưng toàn là khéo đoán ý hướng của người đến xem bói, luận đoán phần nhiều không đúng. Hoặc là thường nghe theo lời dẫn ngầm của kẻ khác, thốt lời điên đảo. Do khiến cho người ta bị làm lỡ đại sự, về sau, [họ tức giận] cắt lưỡi hắn, hắn chết ngắc.

Nguy Chinh có lần ra chợ mua cá. Chủ nhân ngầm điều chỉnh cân để cho Nguy Chinh được lợi. Người đánh cá đi rồi, chủ nhân nói:

- Ông chỉ mua năm cân, tôi đã ngầm [điều chỉnh cân] cho ông được nhiều hơn, xin hãy mời tôi uống rượu.

¹ Dịch lại (驛吏) là chức quan nhỏ trông coi dịch trạm. Dịch trạm là trạm nghỉ chân dành cho những viên chức truyền phát công văn hỏa tốc có chỗ nghỉ ngơi, ăn uống và thay ngựa.

Nguy Chính hết sức kinh hãi, đuổi theo người dân chài đèn bù đúng giá trị. Lại mời chủ nhân uống rượu nói:

- Ông chỉ muốn có rượu thôi, sao lại lừa gạt người nghèo để làm gì?

Than ôi! Người đời nay nếu tấm lòng có thể như ông Nguy, làm sao có chuyện lừa gạt kẻ không hiểu biết cho được?

(nhạc)

Câu thứ 2: “Báng chur đồng học” (là gièm báng bạn học).

Bạn đồng học tình như huynh đệ, huống hồ bạn bè là một trong các mối nhân luân, há có nên thốt lời hủy báng bừa bãi, trong bụng đầy ắp gươm giáo ư?

Đức Phật dạy: “Con người đối với bạn bè, có năm chuyện tương quan lẫn nhau:

Một là nếu đôi bên gây tạo ác nghiệp, hãy nên khuyên bảo lẫn nhau ngưng dứt [ác nghiệp].

Hai là nếu đôi bên mắc bệnh khó trị, hãy nên chăm sóc, điều trị lẫn nhau.

Ba là đôi bên có những điều chỉ nên nói riêng trong nhà, chớ nên nói với người ngoài.

Bốn là hãy nên tôn kính, tán thán lẫn nhau, không ngừng lui tới với nhau, chớ nên ghi oán.

Năm là nghèo giàu khác nhau, hãy nên giúp đỡ, đừng nên phỉ báng lẫn nhau!

Nếu hỏi:

- Sau khi chơi với bạn, biết bạn chẳng lành, muốn đoạn tuyệt, lại sợ thương tổn tình cảm. Chẳng nghỉ chơi thì lại là ả giấu lòng oán hận mà kết giao?

Châu Tử nói:

- Đây chẳng phải là ả giấu lòng oán. Nếu trong tâm ôm nỗi hờn oán mà bề ngoài làm ra vẻ thân thiết, đó là ả giấu lòng oán. Nếu bạn bề chẳng tốt, [xét theo] tình nghĩa đáng nên chẳng thân thiết, nhưng để lọt lọt tình nghĩa thì phải nên từ từ nhạt dần. Nếu chẳng có chuyện gì hệ trọng, cần gì phải cắt phăng tình bạn? Hãy nên tích chứa lòng thành, khiến họ cảm ngộ. Đó gọi là *“đối đãi với người thân chẳng đánh mất tình thân, đối với bạn bề đã lâu chẳng đánh mất tình cố cựu”*.

Đời Minh, tiên sinh Dương Minh Vương Thủ Nhân nói:

- Giao du bạn bề chánh yếu là khiêm tốn, nhún mình. Khi tụ hội, cần nên trông lòng, khiêm nhường, thân thiết, tôn kính, bao dung. Nói chung là ít uốn nắn, chỉ trích, mà là dùng sự chân thành để cảm động, khích lệ, khuyến khích cho nhiều.

Ông Ôn Tiết Hiếu nói:

- Chơi với bạn, chỉ quan tâm đến ưu điểm của họ, chẳng màng khuyết điểm!

Gặp người tánh tình cứng cỏi, hãy chịu đựng sự nóng nảy của họ.

Gặp người rất tài hoa, hãy chịu đựng thói quen không câu thúc của họ.

Gặp người chất phác, trung hậu, hãy chịu đựng tính khí chậm chạp của họ.

Gặp người khinh bạc phóng túng, hãy chịu đựng tính hời hợt, bộp chộp của họ.

Không chỉ là được lợi ích vô lượng mà còn trọn vẹn tình bạn bè.

Đời Tống, Trương Thiên Tải, hiệu là Nhất Ngạc, làm bạn với Văn Sơn². Khi Văn Sơn quý hiển, Thiên Tải đã nhiều lần tránh né, không gặp gỡ. Tới khi Văn Sơn chiến bại, bị giải về Cát Châu. Thiên Tải ngậm đến gặp, nói:

- Thừa Tướng! Nếu Ngài bị đưa về đất Yên (tức là Bắc Kinh), Thiên Tải cũng đi theo.

[Sau đó, khi Văn Sơn bị giải về phương Bắc, Thiên Tải cũng] đến ở gần bên chỗ Văn Sơn bị cầm tù, suốt ba năm châu cấp Văn Sơn chẳng thiếu sót. Ngày Văn Sơn bị hành quyết, Thiên Tải ngậm giấu đầu Văn Sơn trong tráp gỗ, dò tìm vợ Văn Sơn là bà Âu Dương trong đám tù nhân, liền thiêu xác, thu nhặt hài cốt³ để trong đây, ôm tráp đi về phương Nam, giao cho gia đình của Văn Sơn an táng. Trước đó một hôm, con Văn Sơn mộng thấy cha nói:

² Văn Sơn chính là hiệu của Văn Thiên Tường (1236-1283). Ông tên thật là Văn Vân Tôn, tự là Thiên Tường, sau đổi thành Tống Thụy, hiệu là Văn Sơn. Ông là người xứ Lô Lăng, Cát Châu. Ông làm Hữu Thừa Tướng dưới thời Tống Cung Đế.

Sau khi nhà Nam Tống bị quân Nguyên đánh bại, ông bị bắt về Bắc Kinh. Nhà Nguyên thấy ông có tài năng, dụ hàng, nhưng ông bất khuất thà chết không cam tâm đầu hàng. Ông để lại bài Chánh Khí Ca được coi là một bài thiên cổ hùng văn về lòng tinh trung báo quốc.

³ Lúc đó, vợ của Văn Thiên Tường cũng đã bị chết trong khi đang bị tù.

- Bác của con đã về tới rồi.

Chẳng lâu sau, quả nhiên [Trương Thiên Tải] tới nơi. Người đời sau gọi “tình bạn sống chết” là Thiên Tải Nhất Ngạc, đúng vậy thay!

Trầm Trọng Hóa nói:

- Thiếu sót tình bạn với người đã khuất còn tệ hơn thiếu sót tình bạn với người còn sống. Nay kẻ làm bạn với nhau, hãy tự hỏi có thể chẳng thay đổi tấm lòng trong cảnh sanh tử hay chăng?

Đời Tống, Quách Chí lúc mới nổi tiếng về tài viết những bài phú, bạn học là Lý Miễn đổ kị bèn gièm báng. Do vậy, Lý Miễn thi mãi không đậu. Về sau, Quách Chí đã đỗ đạt trước, lại làm Tri Cống Cử⁴, Lý Miễn mới nhờ khoa thi Minh Kinh⁵ mà được có tên đề dự thi [Tiến Sĩ]. Ngày ban chiếu [công bố quan chánh chủ khảo là Quách Chí], Lý Miễn hổ thẹn bỏ về. Quách Chí nghe tin, lập tức [sai người] đem Lý Miễn trở lại, do vậy [Lý Miễn] bèn thi đỗ.

Có thể thấy là gièm báng chẳng tổn hại người khác, chỉ tự mình chuốc lấy nỗi khắc bạc vậy!

(Nhạc)

⁴ Tri Cống Cử (知貢舉): Theo quy chế thời Đường - Tống, vị đại thần được vua sai chủ trì khoa thi tuyển chọn Tiến Sĩ thì gọi là Tri Cống Cử.

⁵ Minh Kinh (明經) ở đây là khoa thi được đặt ra từ thời Tùy Dạng Đế. Khoa thi Minh Kinh nhằm khảo hạch sự hiểu biết của sĩ tử về kinh điển Nho gia. Đã đỗ khoa thi Minh Kinh thì mới được ghi danh dự tuyển khoa thi Tiến Sĩ. Trong khoa thi Tiến Sĩ, chủ yếu khảo hạch về thơ phú.

(Chánh văn 43): Hư vu trá ngụy, công kiết tông thân.

(正文) 虛誣詐偽，攻訐宗親。

(Tạm dịch: Đặt điều vu cáo hư vọng, xảo trá, dối gạt, công kích thân thuộc).

(Nhạc)

Câu thứ nhất: “Hư vu trá ngụy” (là: Đặt điều vu cáo hư vọng, xảo trá, dối gạt).

Khinh mạn vô căn cứ thì là Hư (虛). Xằng bậy đặt chuyện nói xấu, miệt thị là Vu (誣). Dùng quỷ kế gạt gẫm người khác là Trá (詐). Dùng những cách thức dối đời trái lẽ thì gọi là Ngụy (偽). Nói tách ra thì là bốn điều, nói gộp lại sẽ là ‘chẳng chân thành’.

“Thành” là đạo của trời, suy nghĩ chân thành là đạo của người. Nay bỏ lòng thành, noi theo hư vu trá ngụy, chẳng phải là trái nghịch đạo trời, đánh mất đạo người hay sao? Cái tâm ấy quá nhọc nhằn, chuyện ấy quá nguy hiểm⁶ chính là tướng trạng bạc phước nhất trong thiên hạ! Chẳng vào tam ác đạo thì sẽ đi về đâu?

Đời Thanh, Tôn Đình Thuyên ở Ích Đô là người chất phác, chẳng phù phiếm. Vì thế, Thanh Thế Tổ (tức là vua Thuận Trị) từng gọi ông ta là Tôn Lão Thật (là ông Tôn thật thà). Mỗi khi chức vị Thượng Thư ở các bộ bị khuyết, vua liền bảo:

⁶ Ông Hoàng Bách Lâm giảng: Do tâm thái ấy mà tạo thành trần lao, phải lưu chuyển luân hồi, nên nói là ‘kỳ tâm thậm lao’ (là cái tâm ấy quá nhọc nhằn).

- Vẫn là dùng Tôn Lão Thật [điền vào đó].

Do ba lần gọi Tôn Lão Thật như thế, ông được phong làm Tể Tướng⁷. Thật thà có bao giờ khiến cho người ta bị lầm lẫn đâu nhỉ?

Tiết Phu chuyên bịa chuyện để làm đơn thưa kiện, có thể tô vẽ chuyện vô lý thành hữu lý. Hắn dùng chuyện này để làm giàu. Về sau, hắn làm trai đàn để tạ tội. Đạo sĩ phủ phục, sau đó đứng dậy nói:

- Thượng Đế đã phê vào tờ biểu [tấu trình xin tha tội của người như sau]: Nhà thì phó cho hỏa ty, người thì giao cho thủy ty.

Về sau, quả nhiên nhà hắn cháy sạch, Tiết Phu ngã xuống nước chết đuối.

Thời Ngũ Đại, người xứ Mân⁸ là Tiết Văn Kiệt có hiềm khích với Ngô Anh. Một hôm, chúa nước Mân là Vương Lân

⁷ Theo quy chế đời Minh - Thanh, không có chức vụ Tể Tướng hay Thừa Tướng, nhưng do nhu cầu hành chánh, vẫn phải có người đứng đầu bá quan. Do vậy, từ các quan đại học sĩ, nhà Minh lập ra Thủ Phụ (tức là đứng đầu các phụ tá đại thần), thời Thanh thì gọi là Điện Các Đại Học Sĩ (vừa là bí thư riêng của nhà vua, vừa là người đứng đầu các đại học sĩ).

Giữa đời Thanh, ngoài Điện Các Đại Học Sĩ, còn lập ra chức Quân Cơ Đại Thần trông nom việc quân, thường là do Điện Các Đại Học Sĩ kiêm nhiệm. Ở đây nói Tôn Lão Thật “*đại bá*” (là được phong làm Tể Tướng) tức là được bổ nhiệm làm Điện Các Đại Học Sĩ.

⁸ Mân ở đây là một nước thành lập vào thời Ngũ Đại. Vào năm Cảnh Phúc thứ hai (893) đời Đường Chiêu Tông, ba anh em nhà họ Vương là Vương Triều, Vương Thâm Khuê, Vương Thâm Tri chiếm cứ Phúc Châu, rồi chiếm toàn bộ vùng Phúc Kiến. Nhà Đường quá suy yếu, phải phong cho Vương Triều làm Quan Sát Sứ rồi thăng lên làm Oai Vũ Quân Tiết Độ Sứ.

(tức là Vương Diên Quân) sai đồng cốt nhìn xem trong cung có quỷ hay không. Trước đó, Văn Kiệt đã nói với Ngô Anh:

- Chúa thượng ngờ ông quyền cao chức trọng, ông hãy nên cáo bệnh. Nếu vua sai sứ giả đến hỏi, hãy nên thưa là bị đau đầu. Tôi có thể nói giúp cho ông.

Ngô Anh vâng theo. Văn Kiệt dặn gã đồng cốt nói:

- Ngô Anh sắp làm phản, bị Thượng Đế lấy đinh bằng đồng đóng vào não.

Vua sai người đến [nhà Ngô Anh] dò xét, quả nhiên, Ngô Anh thưa là bị đau đầu. Vua liền giết Ngô Anh.

Ngô Anh bị vu cáo, dân chúng đều nghiến răng. Khéo sao, Vương Lâm phát binh chống lại nước Ngô⁹, quân sĩ không

Vương Triều chết vào năm Càn Ninh thứ tư (898), di mạng cho Vương Thâm Tri kế vị. Vương Thâm Tri được phong làm Lang Da Vương.

Tới khi nhà Hậu Lương soạn ngôi nhà Đường, đã phong cho Vương Thâm Tri làm Mân Vương, đóng đô tại Trường Lạc (nay là thành phố Phước Châu, tỉnh Phước Kiến).

Khi Vương Thâm Tri chết, con là Vương Diên Hàn kế vị. Sau đó, Diên Hàn bị anh em là Vương Diên Bẩm và Vương Diên Quân sát hại. Sau đấy, Vương Diên Quân giết Vương Diên Bẩm, lên làm vua, xưng đế, đặt quốc hiệu là Đại Mân, tôn Vương Thâm Tri làm Mân Thái Tổ. Nước này bị nhà Nam Đường của Lý Biện diệt quốc dưới thời Vương Diên Chánh (Thiên Đức Đế) vào năm 945.

⁹ Ngô là một nước khác vào thời Ngũ Đại, do Dương Hành Mật sáng lập, còn được gọi là Dương Ngô, Nam Ngô, Hoằng Nông, hoặc Hoài Nam.

Nhân lúc triều đình thời Đường Chiêu Tông suy yếu, Dương Hành Mật đang làm Tiết Độ Sứ tại Hoài Nam bèn chiếm cứ Dương Châu, tự xưng là Ngô Vương, đóng đô tại Quảng Lăng (tức Dương Châu).

chịu tiến, đòi cầm tù Tiết Văn Kiệt mới chịu tiến. Vương Lân bắt đắc dĩ, cùm hãm lại, đưa vào trong quân. Quân sĩ xúm lại xả thịt hãm hết sạch.

Đời Tống, Triệu Đình Thần giả vờ lập thỏa ước với người Động Nhung¹⁰, dụ họ đầu hàng triều đình, [đãi họ ăn uống] no say rồi giết sạch, rêu rao họ làm phản, dối trá tâu đó là công lao [đẹp loạn] của chính mình. Họ Triệu bèn được thăng thưởng hiển hách. Về sau, hãm mộng thấy những người đã bị giết nói: “Sẽ đến báo thù sự dối trá của mày”. Về sau, hãm sanh được một đứa con trai. Nó còn trẻ mà đã đồ đạt, bổng dung cuồng nghịch, phạm pháp, [liên lụy đến] Triệu Đình Thần và vợ bị đày ra vùng Lĩnh Nam, bị người Động Nhung giết chết.

(nhạc)

Đời Tống, Đinh Vị chẳng nói lời chân thật với người khác, từng bảo:

- Nếu ai thật tâm sẽ chẳng làm nổi mọi việc, chỉ luôn bị kẻ khác khinh lẩn”.

Đinh Vị giữ lòng trí trá như thế, khiến cho người khác chẳng thể dò lường được, bèn bị người đương thời xếp vào

Địa bàn nước Ngô lớn gấp ba nước Mân bao gồm các tỉnh Giang Tô, An Huy, Giang Tây và một phần Hồ Bắc. Nước Ngô bị Nam Đường diệt quốc vào năm 937.

¹⁰ Động Nhung (洞戎) là tiếng để gọi chung các dân tộc thiểu số thuộc vùng Lĩnh Nam, tức là các dân tộc thiểu số tại Quảng Tây, Quý Châu, và Hồ Nam.

Ngũ Quỷ¹¹, há có phải là do cái tâm trá ngụy mà không chuyện gì chẳng làm đó ư?

Câu thứ hai: “Công kiết tông thân” (là: công kích thân thuộc).

Cùng họ là Tông (宗), khác họ là Thân (親)¹². Tuy có xa, gần, thân, sơ khác nhau, thật sự đều là những người có mối quan hệ thân thiết với ta, hãy nên đối đãi bằng lòng thân ái, trung thành. Cùng chia sẻ hoạn nạn, giúp đỡ người khốn cùng. Giấu giếm những điều xấu trong nhà cho nhau, cùng ngăn ngừa sự lẩn hiếp từ bên ngoài, há nên tranh chấp lẫn nhau, so đo từng ly từng tý một, giận dữ, ghen ghét, chiếm đoạt, xét nét, công kích hay chẳng? Lặt càn làm đau lòng cây, chặt đứt rễ khiến cho mạng mạch của nó chấm dứt, hãy nên răn dè!

Đời Xuân Thu, Yên Bình Trọng¹³ đi xe rách nát, cỡi ngựa gầy. Hoàn Tử cho rằng ông ta cố tình ẩn giấu sự ban thưởng của vua. Yên Tử (tức là Yên Bình Trọng) nói:

¹¹ Ngũ Quỷ là năm gã gian thần thời đó, tức Đinh Vị, Lâm Đặc, Trần Bành Niên, Lưu Thừa Khuê, và Vương Khâm Nhược.

¹² Có thể hiểu là họ bên nội là Tông, họ bên ngoại là Thân. Thân cũng bao gồm quan hệ họ hàng do thông gia, chẳng hạn họ hàng bên vợ, hoặc bên chồng được gọi là Thân.

¹³ Yên Bình Trọng tức là Yên Anh (còn gọi là Yên Tử, có khi đọc là Ân Anh). Ông làm quan thượng đại phu nước Tề, là con trai của Yên Nhược. Khi cha ông mất, ông được vua Tề bổ nhiệm làm Thượng Đại Phu, đứng đầu bá quan.

Tương truyền, ông thân hình thấp bé, loắt choắt, mặt mũi xấu xí, nhưng thông minh tuyệt đỉnh. Ông giữ chức Thượng Đại Phu suốt năm mươi hai năm, trải các đời vua Linh Công, Trang Công và Cảnh Công. Ông ứng đối

- Kể từ khi thần được hiển quý, họ bên cha không ai chẳng ngồi xe. Họ bên mẹ không ai chẳng có cơm áo no đủ. Họ bên vợ không ai đói lạnh. Học trò nước Tề nhờ thần mà có cái để thổi lửa nấu cơm hơn ba trăm người. Như thế là ẩn giấu

mẫn tiệp, khéo trị nước, khiến cho triều đình Tề lần các nước chư hầu đều nể phục.

Do Tề và Sở cạnh tranh thế lực với nhau, nước Sở thường tìm cách làm nhục sứ Tề. Khi Yên Anh đi sứ nước Sở, họ mở cửa ngách mời ông vào, thay vì mở đại môn. Ông thản nhiên bảo:

- Nếu ta đi sứ sang nước của chó thì mới chui lỗ chó mà vào, chứ ta đi sứ nước Sở, chẳng lẽ phải chui lỗ chó hay sao?

Quan tiếp đãi của nước Sở cứng họng, phải mở đại môn.

Khi Sở Linh Vương tiếp sứ đoàn, đã hạ nhục Yên Anh bằng câu hỏi:

- Bộ nước Tề hết người hiền năng rồi hay sao mà chọn người đi sứ?

Yên Anh thản nhiên đáp:

- Nước Tề có hơn bảy ngàn hộ, dân trong thành chỉ cần giơ tay áo lên che là đã khuất bóng mặt trời, thân họ chảy mồ hôi nhiều như mưa, làm sao không có người cho được!”

Vua Sở châm chọc:

- Vậy tại sao lại chọn người?

Yên Anh cười:

- Nước Tề phái người đi sứ nước nào cũng đều chọn người thích hợp với nước đó. Người hiền năng sẽ được phái đi sứ những nước có bậc quân chủ hiền năng, kẻ chẳng hiền năng sẽ bị sai đi sứ những nước có vua chẳng có phẩm đức! Tôi là người tệ hại nhất nước Tề, nên mới được sai đi sứ nước Sở”.

sự ban thưởng của quân vương, hay là phô bày ân vua ban thưởng vậy?

Trước là họ bên cha, rồi đến họ bên mẹ, sau là họ bên vợ, cuối cùng là đến những người xa lạ. Đó gọi là [giúp đỡ] từ người thân thiết cho đến người xa lạ vậy.

Có thể nói Yến Tử khéo đối xử hòa mục với họ hàng. Người có tấm lòng ấy, há có thói tệ công kích [thân thích] ư? Vì thế, nêu ra chuyện này nhằm khuyên nhủ những kẻ phạm lỗi công kích, mà ác báo của kẻ công kích cố nhiên cũng chẳng cần phải nêu ra nữa!

(Nhạc)

(Chánh văn 44): Cang cường bất nhân, ngạn lệ tự dụng.

(正文)剛強不仁，很戾自用。

(Tạm dịch: Ương bướng bất nhân, độc ác, tàn nhẫn, tự cho là đúng).

(Nhạc)

Câu thứ nhất: “Cang cường bất nhân” (là: Ương bướng bất nhân).

Khổng Tử chủ trương cương nghị là chú trọng nơi lý. Thái Thượng răn nhắc về “cang cường” (nghĩa là cứng cỏi, ương ngạnh) là nói đến sự dẫn khởi từ tánh khí. Các thầy thuốc gọi chứng tê bại là “bất nhân” với ý nghĩa “chẳng biết đau, ngứa”. Vì thế, kẻ ưa ương bướng, hành sự thuận theo tình cảm xung động khi đãi người, tiếp vật, sẽ chẳng có chút thông cảm nào, thuần là ý niệm càn tào ráo máng, thế tục gọi

[tánh khí như vậy] là “*tấm lòng sắt đá*”, làm sao có thể nhân từ cho được?

Nhưng kẻ ương ngạnh chẳng có kẻ nào không bị chiết phục. Nếu họ đã ném trái mảy phen thua thiệt to lớn, sẽ dần dần hóa thành mềm mỏng. Đây là chuyện muôn phần may mắn của kẻ ương ngạnh vậy, tôi hằng ngày đều mong mỏi.

Đời Tống, Bao Chửng¹⁴ làm Long Đồ Các Học Sĩ¹⁵, có tên thụy là Hiếu Túc. Ông tánh tình cương trực, bất khuất.

¹⁴ Bao Chửng (包拯, 999-1062), tự là Hy Nhân, người xứ Hợp Phì thuộc Lư Châu (nay là thành phố Hợp Phì tỉnh An Huy).

Ông làm quan tới chức Xu Mật Phó Sứ, Triều Tán Đại Phu, Cấp Sự Trung, Thượng Khinh Xa Đô Úy, tước Khai Quốc Hầu, được ăn lộc một ngàn tám trăm hộ. Ngoài việc từng làm Lễ Bộ Thượng Thư, ông được biết đến nhiều nhất dưới chức vụ Long Đồ Các Trục Học Sĩ.

Do tài xử án công chánh, phán án nghiêm minh, phá án chánh xác, ông được ca tụng là Bao Thanh Thiên, và dân gian có câu nói: “*Gặp Diêm La Bao Lão, hoàng thân quốc thích hoạn quan bó tay*”. Thậm chí dân gian còn truyền tụng: Sau khi chết, ông trở thành Ngũ Điện Diêm La Vương. Dĩ sử còn tương truyền ông là Văn Khúc Tinh Quân giáng thế, phù tá Tống Nhân Tông.

Ông đỗ Tiến Sĩ trong niên hiệu Thiên Thánh thứ năm (tức là năm 1027) đời Tống Chân Tông, được phong làm Đại Lý Bình Sự, bổ làm tri huyện Kiến Xương, nhưng do còn cha mẹ già, nên không đi nhậm chức. Mười một năm sau, khi cha mẹ đều đã qua đời và tang chế đã mãn, ông mới ra làm tri huyện Thiên Trường, rồi tri châu Đoan Châu. Được vua gọi về kinh làm Giám Sát Ngự Sử Lý Hành, thăng lên làm Giám Sát Ngự Sử.

Ông cứng cỏi, nghiêm khắc dăng sớ đàn hặc (là buộc tội) Giang Tây Chuyên Vận Sứ Vương Quỳ, ba lần đàn hặc ngoại thích Trương Nghiêu Tá. Sau đó, ông được cử kiêm nhiệm Tri Khai Phong Phủ, tức chức quan Kinh Triệu Doãn trông coi kinh thành trong khi đang giữ chức Long Đồ Các Trục Học Sĩ.

Thuộc hạ có điều bảm cáo, ông thường phê bình ngay mặt [nếu nói những điều chẳng hợp lý]. Nếu lời họ thưa trình đúng lý, ông cũng chưa hề không vui mừng, thay đổi [theo ý kiến đề xuất]. Do vậy, mọi người đều kính phục.

Phàm cứng cỏi mà hợp lý, gặp chuyện bèn có thể phán đoán rõ ràng, chánh xác, đây là dũng khí của bậc có lòng nhân vậy.

Đời Tống, Trương Nhữ Khánh làm Đề Hình. Mỗi khi thẩm vấn tù phạm, bất luận phạm tội nặng hay nhẹ, đều sử dụng toàn bộ các dụng cụ hành hình, gọi là “*đả nhất sáo*” (tức là đánh trọn một bộ). Những kẻ bị ông ra tra khảo đều gọi Trương Nhữ Khánh là “*Diêm La thôi đao*” (tức là kẻ đẩy người khác đến chỗ vua Diêm La). Về sau, hết nhiệm kỳ, Nhữ Khánh quay về, thuyền đi đến Cao Bru, đêm nằm mộng thấy mấy trăm người toác đầu, gãy chân, vây quanh đòi mạng. Về đến nhà, giữa ban ngày mà thấy lệ quỷ, thất khiếu tuôn máu mà chết.

Phàm là kẻ ngang ngược, hung bạo, sẽ chẳng được chết yên lành, cố nhiên chẳng cần phải nói nữa! Nhưng sau khi đã chết, còn phải thọ báo trong tam đồ, cho đến khi nào mới được thoát khỏi?

Ông thẳng tay trừng trị những kẻ quyền quý cậy thế. Dầu là hoàng thân quốc thích mà phạm pháp, cũng bị ông trừng trị tới nơi tới chốn.

¹⁵ Long Đồ Các nằm ở chái tây của điện Hội Khánh, trực thuộc ngự thư phòng của hoàng đế đời Tống, được lập ra từ thời Tống Chân Tông.

Long Đồ Các Trục Học Sĩ là chức quan văn thuộc về Chánh Tam Phẩm, đặc trách biên soạn, kiểm thảo các chiếu chỉ và chánh lệnh của hoàng đế, quản lý danh sách, sổ bộ liên quan đến hoàng thân quốc thích, cũng như quản lý các trước tác, sách vở, tài liệu và các văn vật trân quý của hoàng đế.

Cứ từ câu chuyện này mà suy, hết thấy những kẻ cứng rắn đến nỗi gần như hung bạo, do quen thói cường bạo mà gần như là kẻ giặc, cũng đáng nên phản tỉnh!

Câu thứ hai: “Ngận lệ tự dụng” (là: độc ác, tàn nhẫn, tự cho là đúng).

Phàm là người làm việc, tham khảo ý kiến của người khác thì là trí, tự cho mình là đúng thì ngu. Tự cho mình là đúng còn chẳng nên, huống hồ hung hãn, tàn nhẫn.

Đức Phật nói hung hãn, tàn nhẫn giống như ngựa ác, đáng gọi là khó thuần phục. Con người hung hãn, tàn nhẫn, đối với hết thảy [mọi sự, mọi việc] đều chấp chặt ý kiến của chính mình, tự cho là đúng, chẳng chịu phục kẻ khác. BẠN LÀNH, tri thức ai đến thân cận? LỜI LÀNH, lý hay, lấy ai bảo ban? Đây là cội nguồn tạo ác, chuốc hận, không chi hơn chuyện này.

Vâng ạ thời gian đã hết bài hôm nay chúng ta sẽ kết thúc ở đây.

(nhạc)

Chúc bạn

Không làm các việc ác
Mỗi năm được bình an
Siêng làm các việc lành
Năm nào cũng như ý

Website: www.duongdenhanhphuc.vn
Kênh Youtube: duongdenhanhphuc

*Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công
đức vô lượng!*